

Đơn vị báo cáo: **Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai**  
Mã chương: **004**  
Mã ĐVQHNS: **1052433**

## **CÔNG KHAI THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NSNN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 87/QĐ-VKS ngày 09/6/2026  
của VKSND thành phố Đồng Nai)

### **A. TÌNH HÌNH CHUNG**

Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) thành phố Đồng Nai có 15 đơn vị dự toán cấp III, bao gồm: Văn phòng VKSND thành phố và 14 đơn vị VKSND cấp khu vực.

#### **1. Tình hình người lao động**

##### **1.1. Về biên chế**

Số biên chế được giao theo Quyết định số 752/QĐ-VKSTC ngày 21/7/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tối cao cho VKSND thành phố Đồng Nai là 552 biên chế, thực hiện năm 2024: 522 biên chế, còn thiếu 30 biên chế chưa tuyển.

##### **1.2. Về hợp đồng lao động**

Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP được giao: 68 người, thực hiện 64 người (bao gồm các hợp đồng lao động làm công việc lái xe ô tô, bảo vệ, tạp vụ).

#### **2. Tình hình thực hiện thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên**

##### **2.1. Dự toán ngân sách nhà nước được giao**

Tổng số kinh phí quản lý hành chính được giao: 83.459.090.316 đồng, trong đó:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 1.950.000.000 đồng
- Kinh phí giao trong năm: 175.861.489.416 đồng
- + Kinh phí thực hiện tự chủ: 146.697.000.000 đồng
- + Kinh phí không thực hiện tự chủ: 29.164.489.416 đồng
- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ: 717.600.000 đồng

Căn cứ dự toán được VKSND tối cao giao và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức hiện hành của nhà nước, nhiệm vụ trọng tâm năm, các nhiệm vụ đặc thù của Ngành, các nhiệm vụ phát sinh, VKSND thành phố đã phân bổ kinh phí được giao đến từng đơn vị dự toán trực thuộc công khai theo đúng tổng mức và các nội dung nguồn vốn được giao của VKSND tối cao.

##### **2.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên**

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán VKSND tối cao giao	Dự toán đã phân bổ trong năm	Kinh phí được quyết toán	Tỷ lệ % QT/DT
	<b>Tổng cộng</b>	<b>177.811.489.416</b>	<b>177.811.489.416</b>	<b>175.557.173.657</b>	<b>98,7</b>
<b>I</b>	<b>Kinh phí Quản lý nhà nước (L340 – K341)</b>	<b>177.093.889.416</b>	<b>177.093.889.416</b>	<b>174.839.573.657</b>	<b>98,7</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí QLNN thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>146.697.000.000</b>	<b>146.697.000.000</b>	<b>144.644.400.000</b>	<b>98,6</b>
<b>2</b>	<b>Kinh phí QLHC không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>30.396.889.416</b>	<b>30.396.889.416</b>	<b>30.195.173.657</b>	<b>99,3</b>
1.1	Kinh phí chi hoạt động đặc thù khác	2.760.000.000	2.760.000.000	2.760.000.000	100,0
1.2	Kinh phí Thuê luật sư, trợ cấp nhân chứng	0	0	0	
1.3	Kinh phí chi công tác kiểm sát trại giam, trại tạm giam, phân trại tạm giam	360.000.000	360.000.000	360.000.000	100,0
1.4	Bồi thường oan sai	0	0	0	
1.5	Kinh phí chi giám định tư pháp và khám chữa bệnh bắt buộc	14.800.000	14.800.000	14.800.000	100,0
1.6	Kinh phí mua sắm tài sản theo Đề án	1.712.000.000	1.712.000.000	1.710.288.000	99,9
1.7	Kinh phí sửa chữa trụ sở	3.950.000.000	3.950.000.000	3.750.000.000	94,9
1.8	Kinh phí thuê trụ sở, thuê nhà ở công vụ	0	0	0	
1.9	Kinh phí may sắm Trang phục	2.840.500.000	2.840.500.000	2.840.500.000	100,0
1.10	Nghi chế độ theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP, 67/2025/NĐ-CP, 154/2025/NĐ-CP	12.268.789.416	12.268.789.416	12.268.789.416	100,0
1.11	Kinh phí di dời trụ sở	750.000.000	750.000.000	750.000.000	100,0
1.12	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73/2024	5.673.300.000	5.673.300.000	5.673.296.241	100,0
1.13	KP chi hỗ trợ CNTT	67.500.000	67.500.000	67.500.000	100,0
<b>II</b>	<b>Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ</b>	<b>717.600.000</b>	<b>717.600.000</b>	<b>717.600.000</b>	<b>100,0</b>
1	Đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ (L070 - K085)	717.600.000	717.600.000	717.600.000	100,0

## B. THUYẾT MINH CHI TIẾT

### I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

#### 1. Nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng, giảm so với dự toán được giao

Năm ngân sách 2025, VKSND thành phố Đồng Nai đã thực hiện đúng các nhiệm vụ chi trong năm. Quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 đạt 98,7% so với dự toán được giao. Nguyên nhân:

- Kinh phí giảm, nộp trả (hủy): 840.3015.759 đồng. Trong đó:
  - +KP tự chủ: 638.300.000 đồng là KP tiết kiệm 10% 7 tháng cuối năm
  - +KP không tự chủ: 201.715.759 đồng. Trong đó: 200.000.000 đồng là KP tiết kiệm 10% 7 tháng cuối năm, 1.715.759 đồng là KP hủy do hoàn thành nhiệm vụ mua sắm và chi thưởng theo ND9.
- KP chuyển năm sau: 1.414.300.000 đồng là KP tiền lương và chi thưởng xuyên theo Nghị định 178

## **2. Nguồn ngân sách nhà nước**

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 1.950.000.000 đồng
- Tổng dự toán được giao trong năm: 175.861.489.416 đồng
- Tổng được giao sử dụng trong năm: 177.811.489.416 đồng
- Kinh phí quyết toán: 175.557.173.657 đồng
- Hủy số dư kinh phí được phép chuyển sang năm 2026: 1.414.300.000 đồng là số dư KP tiền lương và chi thường xuyên của công chức nghỉ chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, phải trả NSNN.

## **II. Thuyết minh khác**

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 9.140.690.422 đồng.
- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính 9.140.690.422 đồng, trong đó chi:
    - + Thu nhập tăng thêm: 2.933.920.492 đồng;
    - + Phúc lợi tập thể: 6.206.769.930 đồng;
    - Trích lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập: 0 đồng.